

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2021
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Hùng

2. Ông Lý Văn Tìl

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:110/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 586/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Đ A, xã T1, huyện T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Bị đơn: Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Đ A, xã T1, huyện T, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông T trình bày: Qua thời gian tìm hiểu ông và bà T1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy D (nữ), sinh ngày 25/6/1999; Nguyễn Trọng P (nam), sinh ngày 09/8/2000; Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 01/5/2002. Các cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có.

Bị đơn bà T1 trình bày tại bản tự khai như sau: Bà và ông T qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người không

còn chung sống với nhau từ thời điểm đó đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của ông T bà thống nhất.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy D (nữ), sinh ngày 25/6/1999; Nguyễn Trọng P (nam), sinh ngày 09/8/2000; Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 01/5/2002.

Về tài sản chung, về nợ chung: bà khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà T1; về con chung: các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà T1 có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông T và bà T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay ông bà không còn chung sống với nhau nên ông làm đơn ly hôn với bà T1 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, do bị đơn có địa chỉ tại huyện Thới Lai nên Tòa án nhân dân huyện Thới Lai căn cứ điều 28, điều 39 giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nguyên nhân mâu thuẫn: theo ông bà trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Hiện tại, ông bà đã xác định tình cảm không còn, bà T1 tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai thống nhất ly hôn với ông T.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Việc các đương sự đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, căn cứ điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T nhưng có căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy D (nữ), sinh ngày 25/6/1999; Nguyễn Trọng P (nam), sinh ngày 09/8/2000; Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 01/5/2002. Các cháu đã thành niên và ông bà cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147, điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thị T1.

Về con chung: Các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003577 ngày 07/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Diệp Hoàng Giang